



**TỈNH ỦY GIA LAI**

\*

Số 160-KH/TU

**ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM**

Gia Lai, ngày 26 tháng 6 năm 2023

## **KẾ HOẠCH**

**biên chế giai đoạn 2022 - 2026**  
**(gắn với lộ trình tinh giản biên chế)**

-----

- Căn cứ Kết luận số 40-KL/TW, ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về nâng cao hiệu quả công tác quản lý biên chế của hệ thống chính trị giai đoạn 2022 - 2026; Quyết định số 70-QĐ/TW, ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Bộ Chính trị về quản lý biên chế của hệ thống chính trị;

- Căn cứ Quyết định số 64-QĐ/BTCTW, ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Gia Lai giai đoạn 2022 - 2026; Quyết định số 147-QĐ/BTCTW, ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ban Tổ chức Trung ương về biên chế của tỉnh Gia Lai năm 2022;

Ban Thường vụ Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch biên chế giai đoạn 2022 - 2026 (gắn với lộ trình tinh giản biên chế), cụ thể như sau:

### **A- MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**

Quản lý và sử dụng có hiệu quả chỉ tiêu biên chế được giao. Tiếp tục tinh giản biên chế; cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong hệ thống chính trị của tỉnh. Quá trình triển khai thực hiện đảm bảo công khai, minh bạch, dân chủ, đúng quy định.

### **B- NỘI DUNG KẾ HOẠCH**

#### **I- ĐỐI VỚI CÁC CƠ QUAN ĐẢNG, MẶT TRẬN TỔ QUỐC, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI TỈNH VÀ CẤP HUYỆN**

##### **1. Tổng chỉ tiêu biên chế Trung ương giao**

- Tổng chỉ tiêu biên chế năm 2022 Trung ương giao cho tỉnh là **1.557** chỉ tiêu, gồm 1.408 chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức và 149 chỉ tiêu biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước (giữ nguyên như tổng chỉ tiêu biên chế của tỉnh tại thời điểm tháng 6 năm 2021).

Tổng chỉ tiêu biên chế của tỉnh do Ban Tổ chức Trung ương giao tại thời điểm tháng 6 năm 2021 là 1.557 chỉ tiêu (gồm 1.450 chỉ tiêu biên chế do Ban Tổ chức Trung ương giao và 107 chỉ tiêu biên chế do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam giao), trong đó tỉnh đã giao cho các cơ quan, đơn vị, địa phương là 1.550 chỉ tiêu (gồm 1.447 chỉ tiêu biên chế do Ban Tổ chức Trung ương giao và 103 chỉ tiêu biên



chế do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam giao), còn 07 chỉ tiêu để lại dự phòng bổ sung trong các trường hợp cần thiết, đột xuất (gồm 03 chỉ tiêu do Ban Tổ chức Trung ương giao và 04 chỉ tiêu do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam giao).

- Tổng chỉ tiêu biên chế giai đoạn 2022 - 2026 (tính đến năm 2026) Trung ương giao cho tỉnh là **1.388** chỉ tiêu, gồm 1.262 chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức (không tính chỉ tiêu biên chế của Liên đoàn Lao động tỉnh, cấp huyện) và 126 chỉ tiêu biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Riêng chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức của Liên đoàn Lao động tỉnh và cấp huyện, trước mắt vẫn giữ ổn định 107 chỉ tiêu như Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam đã giao trước đây, năm 2023 Trung ương sẽ nghiên cứu, tính toán và phân bổ cụ thể lại sau.

## **2. Kế hoạch phân bổ biên chế (có phụ lục kèm theo)**

Theo chỉ tiêu biên chế năm 2022 và giai đoạn 2022 - 2026 (tính đến năm 2026) mà Trung ương đã giao cho tỉnh, kế hoạch phân bổ biên chế giai đoạn 2022-2026 của tỉnh phải gắn với lộ trình tinh giản biên chế để đến năm 2026 đảm bảo đúng chỉ tiêu Trung ương đã giao theo quy định (giảm từ 1.450 chỉ tiêu biên chế được giao năm 2022 còn 1.388 chỉ tiêu biên chế năm 2026; trong giai đoạn này phải giảm **62** chỉ tiêu biên chế, gồm: **39** chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức, tương ứng với 3% tổng chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức hiện có, vì khu vực này đã giảm mạnh trong giai đoạn 2016 - 2021 và giảm **23** chỉ tiêu biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước, tương ứng với 15,43% tổng biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước hiện có, vì khu vực này chưa thực hiện giảm trong giai đoạn 2016 - 2021 (riêng 107 chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức ngành Liên đoàn Lao động trước mắt vẫn giữ ổn định như hiện nay), cụ thể:

**2.1. Kế hoạch phân bổ biên chế cán bộ, công chức phải gắn với lộ trình tinh giản biên chế để đến năm 2026 giảm 39 chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức, cụ thể:**

\* Bổ sung 03/03 chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức do Ban Tổ chức Trung ương giao còn để lại dự phòng cho hai cơ quan vào năm 2023: Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy 02 chỉ tiêu biên chế, Ban Nội chính Tỉnh ủy 01 chỉ tiêu biên chế.

\* Giảm 39 chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức do Ban Tổ chức Trung ương giao và đã được tỉnh giao cho các cơ quan, đơn vị, địa phương, trong đó:

- Ở cấp tỉnh: Giảm **12** chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức đã giao cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh (giảm từ 321 chỉ tiêu vào năm 2023 còn 309 chỉ tiêu vào năm 2026). Lộ trình như sau:

+ Giảm 07/07 chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh vào năm 2023 (khi sắp xếp, chuyển giao cơ quan thường trực về Sở Y tế).



+ Giảm 05 chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức của các cơ quan sau vào năm 2026 (Ban Dân vận Tỉnh ủy, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Tỉnh đoàn: Mỗi cơ quan giảm 01 chỉ tiêu biên chế; Văn phòng Tỉnh ủy giảm 02 chỉ tiêu biên chế).

- Ở cấp huyện: Giảm 27 chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức do Ban Tổ chức Trung ương giao cho tỉnh đã được tỉnh giao cho các huyện, thị xã, thành phố (giảm từ 980 chỉ tiêu năm 2022 còn 953 chỉ tiêu vào năm 2026). Lộ trình mỗi huyện, thị xã, thành phố giảm từ 01 đến 03 chỉ tiêu vào năm 2025, 2026 và phân bổ lại cho các địa phương theo định hướng như sau (tính chỉ phân bổ tổng chỉ tiêu biên chế cho các địa phương như đã định hướng; còn việc phân bổ chỉ tiêu biên chế cho các cơ quan, đơn vị trực thuộc do ban thường vụ cấp ủy địa phương xem xét, quyết định cho phù hợp với yêu cầu, đặc điểm tình hình thực tế của địa phương theo đúng thẩm quyền quy định):

+ Huyện ủy, thị ủy các huyện, thị xã là đơn vị hành chính loại 2, loại 3 (gồm 14 huyện, thị xã: Thị xã An Khê, thị xã Ayun Pa và các huyện: Ia Grai, Đức Cơ, Chư Păh, Mang Yang, Đak Pơ, Kbang, Kông Chro, Chư Sê, Chư Pưh, Phú Thiện, Ia Pa, Krông Pa): Mỗi địa phương phân bổ 55 chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức, gồm: Văn phòng cấp ủy 13 chỉ tiêu (để bố trí 02 thường trực cấp ủy, 01 chánh văn phòng, 02 phó chánh văn phòng, 03 chuyên viên, 02 lái xe, 01 kế toán, 02 văn thư trong đó có 01 kiêm thủ quỹ), ban tổ chức 06 chỉ tiêu, ban dân vận từ 04 đến 05 chỉ tiêu, ban tuyên giáo 05 chỉ tiêu, cơ quan ủy ban kiểm tra 06 chỉ tiêu, mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp huyện 05 chỉ tiêu, hội phụ nữ 04 chỉ tiêu, hội nông dân 04 chỉ tiêu, hội cựu chiến binh 03 chỉ tiêu, đoàn thanh niên cấp huyện từ 04 đến 05 chỉ tiêu.

+ Huyện ủy các huyện biên giới (gồm 03 huyện: Chư Prông, Đức Cơ, Ia Grai): Mỗi địa phương phân bổ thêm 01 chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức để bố trí công chức cơ yếu tại văn phòng cấp ủy.

+ Huyện ủy các huyện là đơn vị hành chính loại 1 (gồm 02 huyện: Chư Prông, Đak Đoa): Mỗi địa phương phân bổ thêm 04 chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức (để phân bổ cho ban tuyên giáo huyện ủy, ban tổ chức huyện ủy, cơ quan ủy ban kiểm tra huyện ủy, ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, mỗi cơ quan 01 chỉ tiêu biên chế).

+ Thành ủy Pleiku (đơn vị hành chính loại 1, đô thị loại 1): Phân bổ thêm 07 chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức (để phân bổ cho Ban Tổ chức Thành ủy, Cơ quan Ủy ban Kiểm tra Thành ủy, mỗi cơ quan 02 chỉ tiêu biên chế; phân bổ cho Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, Ban Tuyên giáo Thành ủy, Thành đoàn, mỗi cơ quan 01 chỉ tiêu biên chế).

\* Riêng biên chế cán bộ, công chức ngành Liên đoàn Lao động trước mắt vẫn phân bổ 103 chỉ tiêu biên chế cho các cơ quan, đơn vị, địa phương và để lại dự phòng 04 chỉ tiêu biên chế như hiện nay.



**2.2. Kế hoạch phân bổ biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước phải gắn với lộ trình tinh giản biên chế để đến năm 2026 giảm 23 chỉ tiêu biên chế viên chức, cụ thể:**

- Ở cấp tỉnh: Giảm 17 chỉ tiêu biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước do Ban Tổ chức Trung ương giao cho tỉnh đã được tỉnh giao cho các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh (giảm từ 91 chỉ tiêu vào năm 2022 còn 74 chỉ tiêu vào năm 2026). Lộ trình như sau:

+ Giảm 04 chỉ tiêu biên chế của Trung tâm Hoạt động thanh niên thuộc Tỉnh đoàn; lộ trình giảm 02 chỉ tiêu vào năm 2025 và 02 chỉ tiêu vào năm 2026.

+ Giảm 07 chỉ tiêu biên chế của Trường Chính trị tỉnh; lộ trình giảm 04 chỉ tiêu vào năm 2025 và 03 chỉ tiêu vào năm 2026.

+ Giảm 06 chỉ tiêu biên chế của Báo Gia Lai; lộ trình giảm 03 chỉ tiêu vào năm 2025 và 03 chỉ tiêu vào năm 2026.

- Ở cấp huyện: Giảm 06 chỉ tiêu biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước do Ban Tổ chức Trung ương giao cho tỉnh đã được tỉnh giao cho các huyện, thị xã, thành phố (giảm từ 58 chỉ tiêu vào năm 2022 còn 52 chỉ tiêu vào năm 2026); lộ trình các địa phương chưa giảm đủ trong giai đoạn 2016 - 2021 sẽ phải giảm vào giai đoạn 2022 - 2026.

\* Chỉ tiêu biên chế giao cho các cơ quan, đơn vị, địa phương để bố trí cán bộ, công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước (gồm cả số công chức, viên chức lái xe hiện đang có trong chỉ tiêu biên chế; sau này khi số công chức, viên chức, lái xe nghỉ hưu, nghỉ thôi việc, chuyển công tác khác thì các cơ quan, đơn vị, địa phương được sử dụng số biên chế này để bố trí cán bộ, công chức, viên chức chuyên môn nghiệp vụ theo quy định).

**2.3. Kế hoạch phân bổ định mức hợp đồng lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước để bố trí công việc hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập, như: Lái xe, bảo vệ; lễ tân, phục vụ; tạp vụ, trông giữ phương tiện; bảo trì, bảo dưỡng, vận hành trụ sở, trang thiết bị, máy móc phục vụ hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị; công việc hỗ trợ, phục vụ khác thuộc danh mục vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập không được xác định là công chức, viên chức theo quy định của pháp luật (trường hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương có công chức, viên chức trong biên chế đang làm các công việc trên thì phải giảm trừ tương ứng với định mức hợp đồng lao động được bố trí theo quy định)**

- Các ban đảng Tỉnh ủy: Mỗi cơ quan bố trí 03 hợp đồng lao động (gồm 02 lái xe, 01 phục vụ).



- Văn phòng Tỉnh ủy: Bố trí 10 hợp đồng lao động (gồm 04 lái xe, 01 sửa chữa điện nước và 05 phục vụ).

- Báo Gia Lai, Trường Chính trị tỉnh, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh, Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh: Mỗi cơ quan bố trí 04 hợp đồng lao động (gồm 02 lái xe, 01 bảo vệ, sửa chữa điện nước và 01 phục vụ).

- Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy: Bố trí 07 hợp đồng lao động (gồm 02 lái xe, 01 bảo vệ, sửa chữa điện nước và 01 phục vụ để bố trí chung cho các cơ quan chuyên trách tham mưu giúp việc cấp ủy cấp huyện; 01 lái xe và 01 bảo vệ, sửa chữa điện nước, phục vụ để bố trí chung cho khối mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội cấp huyện; 01 bảo vệ, sửa chữa điện nước, phục vụ để bố trí cho trung tâm chính trị cấp huyện).

**II- ĐỐI VỚI KHỐI CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG** (chưa bao gồm biên chế cán bộ, công chức cấp xã)

### **1. Tổng chỉ tiêu biên chế Trung ương giao**

- Vào cuối năm 2021, Bộ Nội vụ giao cho tỉnh chỉ tiêu biên chế năm 2022:

+ Có 27.536 chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước (gồm 2.677 chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức và 24.859 chỉ tiêu biên chế viên chức).

+ Có 1.714 chỉ tiêu biên chế viên chức hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên.

- Đến tháng 9 năm 2022, Trung ương giao cho tỉnh:

+ Chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước năm 2022 là 29.084 chỉ tiêu, gồm 2.677 chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức và 26.407 chỉ tiêu biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Đồng thời giao bổ sung thêm 1.244 chỉ tiêu biên chế sự nghiệp giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2022 - 2023 (theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương 1.244 chỉ tiêu biên chế được bổ sung thêm vẫn phải thực hiện tinh giản 10%, tương ứng với 124 chỉ tiêu để đến năm 2026 giảm xuống còn 1.120 chỉ tiêu biên chế), nâng tổng chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước Trung ương giao cho tỉnh năm 2022 lên 30.328 chỉ tiêu, gồm 2.677 chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức và 27.651 chỉ tiêu biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước.

+ Chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước giai đoạn 2022 - 2026 (tính đến năm 2026) Trung ương giao cho tỉnh là 27.429 chỉ tiêu, gồm 2.543 chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức và 24.886 chỉ tiêu biên chế



viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước (trong đó có 1.120 chỉ tiêu biên chế sự nghiệp giáo dục mầm non và phổ thông công lập được bổ sung).

## **2. Kế hoạch phân bổ biên chế (có phụ lục kèm theo)**

- Đầu năm 2022, căn cứ chỉ tiêu biên chế Bộ Nội vụ giao cho tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh đã báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh giao cho các cơ quan, đơn vị, địa phương 27.506 chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước (gồm 2.677 chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức, 24.829 chỉ tiêu biên chế viên chức) và 1.673 chỉ tiêu biên chế viên chức hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên; còn lại 30 chỉ tiêu biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước và 41 chỉ tiêu biên chế viên chức hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên được để lại dự phòng để bổ sung trong các trường hợp đột xuất, cần thiết (không còn chỉ tiêu biên chế công chức dự phòng).

- Theo chỉ tiêu biên chế giai đoạn 2022 - 2026 (tính đến năm 2026) mà Trung ương đã giao cho tỉnh, kế hoạch phân bổ biên chế giai đoạn 2022 - 2026 của tỉnh, phải gắn với lộ trình tinh giản biên chế để đến năm 2026 đảm bảo đúng chỉ tiêu Trung ương đã giao theo quy định (giảm từ 30.328 chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước được Trung ương giao vào năm 2022 còn 27.429 chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước mà Trung ương giao vào năm 2026; trong giai đoạn này phải giảm 2.899 chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước, gồm: 134 chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức và 2.765 chỉ tiêu biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước. Riêng 1.714 chỉ tiêu biên chế viên chức hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên mà Bộ Nội vụ đã giao cho tỉnh trước đây, do Trung ương không đề cập đến nên trước mắt vẫn giao cho các cơ quan, đơn vị, địa phương như hiện nay), cụ thể:

**2.1. Kế hoạch phân bổ biên chế cán bộ, công chức phải gắn với lộ trình tinh giản biên chế để đến năm 2026 giảm 134 chỉ tiêu biên chế công chức, cụ thể:**

- Năm 2022: 2.677 chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức, như tỉnh đã giao cho các cơ quan, đơn vị, địa phương trước đây.

- Năm 2023, 2024: 2.677 chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức, giữ như năm 2022.

- Năm 2025: 2.614 chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức, giảm 63 chỉ tiêu biên chế (giảm từ 2.677 chỉ tiêu biên chế xuống còn 2.614 chỉ tiêu biên chế).

- Năm 2026: 2.543 chỉ tiêu biên chế cán bộ, công chức, giảm 71 chỉ tiêu biên chế (giảm từ 2.614 chỉ tiêu biên chế xuống còn 2.543 chỉ tiêu biên chế).



**2.2. Kế hoạch phân bổ biên chế viên chức phải gắn với lộ trình tinh giản biên chế để đến năm 2026 giảm 2.765 chỉ tiêu biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước (vẫn giữ nguyên 1.714 chỉ tiêu biên chế hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên), cụ thể:**

**2.2.1. Kế hoạch phân bổ biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước**

- Năm 2022: 24.829 chỉ tiêu biên chế viên chức, để lại dự phòng 30 chỉ tiêu biên chế viên chức, giảm 1.548 chỉ tiêu biên chế viên chức Trung ương giao cho tỉnh vào năm 2022 (chưa tính 1.244 chỉ tiêu biên chế sự nghiệp giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2022 - 2023 được giao bổ sung vào tháng 9 năm 2022).

- Năm 2023: 26.073 chỉ tiêu biên chế viên chức (phân bổ bổ sung thêm 1.244 chỉ tiêu biên chế viên chức sự nghiệp giáo dục đào tạo), để lại dự phòng 30 chỉ tiêu biên chế viên chức (tăng từ 24.859 chỉ tiêu biên chế lên 26.103 chỉ tiêu biên chế).

- Năm 2024: 26.073 chỉ tiêu biên chế viên chức, để lại dự phòng 30 chỉ tiêu biên chế viên chức (giữ nguyên như năm 2023).

- Năm 2025: 25.481 chỉ tiêu biên chế viên chức, để lại dự phòng 15 chỉ tiêu biên chế viên chức, giảm 607 chỉ tiêu biên chế viên chức (giảm từ 26.103 chỉ tiêu biên chế còn 25.496 chỉ tiêu biên chế).

- Năm 2026: 24.886 chỉ tiêu biên chế viên chức, giảm 610 chỉ tiêu biên chế viên chức (giảm từ 25.496 chỉ tiêu biên chế còn 24.886 chỉ tiêu biên chế).

**b) Kế hoạch phân bổ biên chế viên chức hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên**

- Năm 2022: 1.673 chỉ tiêu biên chế viên chức, để lại dự phòng 41 chỉ tiêu biên chế.

- Năm 2023: 1.673 chỉ tiêu biên chế viên chức, để lại dự phòng 41 chỉ tiêu biên chế, giữ nguyên như năm 2022.

- Từ năm 2024 trở đi, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn báo cáo Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét trước khi Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định giao chỉ tiêu biên chế viên chức hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên trong tổng số chỉ tiêu biên chế viên chức hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đã được cấp thẩm quyền phê duyệt, thẩm định hằng năm.

**2.3. Kế hoạch phân bổ định mức hợp đồng lao động hưởng lương từ ngân sách nhà nước để bố trí công việc hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập, như: Lái xe, bảo vệ; lễ tân, phục vụ; tạp vụ, trông giữ phương tiện; bảo trì, bảo dưỡng, vận hành trụ sở, trang thiết bị, máy móc phục vụ**



hoạt động của cơ quan, tổ chức, đơn vị; công việc hỗ trợ, phục vụ khác thuộc danh mục vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ trong cơ quan hành chính và đơn vị sự nghiệp công lập không được xác định là công chức, viên chức theo quy định của pháp luật

- Năm 2022: 1.391 hợp đồng lao động.

- Năm 2023: 1.391 hợp đồng lao động, giữ nguyên như năm 2022.

- Từ năm 2024 trở đi, Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh lãnh đạo Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn báo cáo Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh trình Thường trực Tỉnh ủy, Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, quyết định định mức hợp đồng lao động (hoặc khoán kinh phí thực hiện) theo hướng dẫn của Bộ Nội vụ và Bộ Tài chính trước khi báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, phê duyệt.

### **C- NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP**

1. Tiếp tục tuyên truyền, quán triệt, nâng cao nhận thức, trách nhiệm tạo sự thống nhất trong ý chí và hành động của cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị, địa phương, đội ngũ cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, nhất là người đứng đầu về chủ trương sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, cơ cấu lại để nâng cao năng lực, hiệu quả công tác của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp ủy, cơ quan, đơn vị, địa phương trong hệ thống chính trị của tỉnh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới (*thực hiện thường xuyên đến năm 2026*).

2. Tiếp tục sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong hệ thống chính trị của tỉnh đảm bảo tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả (*thực hiện thường xuyên đến cuối năm 2026*).

3. Nghiên cứu, hoàn thiện hệ thống vị trí việc làm, bản mô tả vị trí việc làm, khung năng lực vị trí việc làm; trên cơ sở đó cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức và chủ động tuyển dụng, bố trí, sắp xếp, đào tạo, bồi dưỡng, chuẩn hóa, nâng cao trình độ kiến thức, năng lực hoạt động công tác cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cơ quan, đơn vị, địa phương trong hệ thống chính trị của tỉnh theo vị trí việc làm (*thực hiện thường xuyên đến năm 2026*).

4. Thực hiện việc nghiêm túc tinh giản biên chế giai đoạn 2022 - 2026 và hằng năm; giải quyết đầy đủ, kịp thời chế độ, chính sách tinh giản biên chế cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo đúng quy định (*thực hiện thường xuyên đến năm 2026*).

5. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số trong tổ chức và hoạt động của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong hệ thống chính trị của tỉnh (*thực hiện thường xuyên hằng năm*).

### **D- TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **1. Ban Tổ chức Tỉnh ủy**

- Căn cứ kế hoạch này phối hợp với Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh đề nghị Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét,



thông qua chỉ tiêu biên chế, định mức lao động hợp đồng hưởng lương từ ngân sách nhà nước hằng năm (nếu có) của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo đúng quy định.

- Định kỳ hằng năm tham mưu Thường trực Tỉnh ủy quyết định phân bổ biên chế, định mức lao động hợp đồng cho các cơ quan Đảng, Mặt trận Tổ quốc, tổ chức chính trị - xã hội tỉnh và cấp huyện; đồng thời tham mưu lãnh đạo, chỉ đạo phân bổ biên chế, định mức lao động hợp đồng khối chính quyền địa phương theo đúng quy định.

- Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch này, định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy.

## **2. Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh**

- Căn cứ Kế hoạch này, định kỳ hằng năm chủ trì, phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy đề nghị Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ đạo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua chỉ tiêu biên chế, định mức lao động hợp đồng hưởng lương từ ngân sách nhà nước hằng năm (nếu có) của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo đúng quy định.

- Phân bổ chỉ tiêu biên chế hằng năm, định mức lao động hợp đồng khối chính quyền địa phương cho các cơ quan, đơn vị, địa phương theo đúng quy định.

- Chỉ đạo cơ quan tài chính chủ động đề xuất cấp có thẩm quyền việc sửa đổi mức khoán kinh phí hỗ trợ cho các lao động hợp đồng làm công tác hỗ trợ, phục vụ theo Nghị định số 111/2022/NĐ-CP, ngày 30 tháng 12 năm 2022 của Chính phủ theo đúng quy định để có cơ sở áp dụng từ năm 2024.

- Thường xuyên theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra việc triển khai thực hiện Kế hoạch này đối với biên chế khối chính quyền địa phương, định kỳ báo cáo Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy).

**3. Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh:** Chỉ đạo Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, thông qua chỉ tiêu biên chế, định mức lao động hợp đồng hưởng lương từ ngân sách nhà nước hằng năm của các cơ quan, đơn vị, địa phương theo đúng quy định (nếu có).

**4. Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy; đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy; các đảng đoàn: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh; Ban Thường vụ Tỉnh đoàn; Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh; ban thường vụ các huyện ủy, thị ủy, thành ủy:** Có trách nhiệm lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện kế hoạch này.

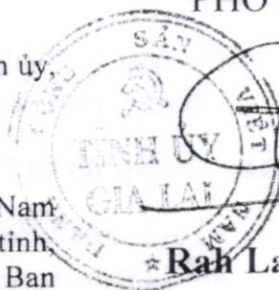


Yêu cầu các cấp ủy, cơ quan, đơn vị, địa phương chỉ đạo tổ chức thực hiện theo đúng quy định; quá trình triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc phản ánh về Ban Thường vụ Tỉnh ủy (qua Ban Tổ chức Tỉnh ủy) để được hướng dẫn, giải quyết.

Nơi nhận:

- Ban Tổ chức Trung ương + Vụ Địa phương II tại Đà Nẵng,
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy, Trường Chính trị tỉnh, Báo Gia Lai,
- Đảng đoàn Hội đồng nhân dân tỉnh,
- Ban cán sự đảng Ủy ban nhân dân tỉnh,
- Các đảng đoàn: Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh, Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh, Hội Cựu chiến binh tỉnh, Hội Nông dân tỉnh, Liên đoàn Lao động tỉnh; Ban Thường vụ Tỉnh đoàn,
- Ban thường vụ: Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh,
- Các đồng chí Tỉnh ủy viên,
- Lưu Văn phòng Tỉnh ủy.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ  
PHÓ BÍ THƯ**



**\*Rah Lan Chung**



**KẾ HOẠCH PHÂN BỐ BIÊN CHẾ, ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG  
KHÓI CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG GIAI ĐOẠN 2022 - 2026**

(không bao gồm biên chế cán bộ, công chức cấp xã)

(kèm theo Kế hoạch số 160 - KH/TU ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

- Chi tiêu biên chế Trung ương giao năm 2022 là 29.084 chi tiêu, gồm 2.677 chi tiêu biên chế cán bộ, công chức và 26.407 chi tiêu biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước, giao bổ sung thêm 1.244 chi tiêu biên chế sự nghiệp giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2022 - 2023 (theo hướng dẫn của Ban Tổ chức Trung ương 1.244 chi tiêu biên chế được bổ sung thêm vẫn phải thực hiện tinh giản 10%, tương ứng với 124 chi tiêu để đến năm 2026 giảm còn 1.120 chi tiêu biên chế), nâng tổng chi tiêu biên chế cán bộ, công chức, viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước Trung ương giao cho tỉnh năm 2022 là 30.328 chi tiêu, gồm 2.677 chi tiêu biên chế cán bộ, công chức và 27.651 chi tiêu biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước.
- Chi tiêu biên chế Trung ương giao giai đoạn 2022 - 2026 (tính đến năm 2026) là 27.429 chi tiêu, gồm 2.543 chi tiêu biên chế cán bộ, công chức và 24.886 chi tiêu biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước (trong đó có 1.120 chi tiêu biên chế sự nghiệp giáo dục mầm non và phổ thông công lập được bổ sung).

STT	Đơn vị, địa phương	Biên chế hưởng lương ngân sách nhà nước năm 2022			Biên chế hưởng lương ngân sách nhà nước năm 2023			Biên chế hưởng lương ngân sách nhà nước năm 2024			Biên chế hưởng lương ngân sách nhà nước năm 2025			Biên chế hưởng lương ngân sách nhà nước năm 2026			Viên chức hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên năm 2022, 2023	Định mức lao động hợp đồng làm hồ trợ phục vụ năm 2022, 2023	Ghi chú		
		Tổng số	Biên chế công chức	Biên chế sự nghiệp	Tổng số	Biên chế công chức	Biên chế sự nghiệp	Tổng số	Biên chế công chức	Biên chế sự nghiệp	Tổng số	Biên chế công chức	Biên chế sự nghiệp	Tổng số	Biên chế công chức	Biên chế sự nghiệp					
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
	<b>Tổng (I+II+III)</b>	<b>27.536</b>	<b>2.677</b>	<b>24.859</b>	<b>28.780</b>	<b>2.677</b>	<b>26.103</b>	<b>24.859</b>	<b>1.244</b>	<b>28.780</b>	<b>2.677</b>	<b>26.103</b>	<b>28.110</b>	<b>2.614</b>	<b>25.496</b>	<b>27.429</b>	<b>2.543</b>	<b>24.886</b>	<b>1.714</b>	<b>1.391</b>	
<b>I</b>	<b>Cấp tỉnh</b>	<b>7.831</b>	<b>1.310</b>	<b>6.521</b>	<b>7.932</b>	<b>1.310</b>	<b>6.622</b>	<b>6.521</b>	<b>101</b>	<b>7.932</b>	<b>1.310</b>	<b>6.622</b>	<b>7.817</b>	<b>1.282</b>	<b>6.535</b>	<b>7.693</b>	<b>1.249</b>	<b>6.444</b>	<b>1.673</b>	<b>556</b>	
<b>A</b>	<b>Khối số, ngành</b>	<b>7.481</b>	<b>1.310</b>	<b>6.171</b>	<b>7.582</b>	<b>1.310</b>	<b>6.272</b>	<b>6.171</b>	<b>101</b>	<b>7.582</b>	<b>1.310</b>	<b>6.272</b>	<b>7.475</b>	<b>1.282</b>	<b>6.193</b>	<b>7.361</b>	<b>1.249</b>	<b>6.112</b>		<b>515</b>	
1	Sở Kế hoạch và Đầu tư	56	47	9	56	47	9	9		56	47	9	55	46	9	53	44	9		3	
2	Sở Tư pháp	52	32	20	52	32	20	20		52	32	20	51	31	20	50	31	19		2	
3	Sở Tài chính	54	54	0	54	54	0			54	54	0	53	53	0	51	51	0		3	
4	Sở Khoa học và Công nghệ	36	36	0	36	36	0			36	36	0	36	36	0	36	36	0		4	
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	49	49	0	49	49	0			49	49	0	48	48	0	46	46	0		5	
6	Sở Tài nguyên và Môi trường	54	47	7	54	47	7	7		54	47	7	53	46	7	52	45	7		3	
7	Sở Nội vụ	82	66	16	82	66	16	16		82	66	16	80	65	15	78	63	15		5	



STT	Đơn vị, địa phương	Biên chế hưởng lương ngân sách nhà nước năm 2022			Biên chế hưởng lương ngân sách nhà nước năm 2023				Biên chế hưởng lương ngân sách nhà nước năm 2024			Biên chế hưởng lương ngân sách nhà nước năm 2025			Biên chế hưởng lương ngân sách nhà nước năm 2026			Viên chức hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên năm 2022, 2023	Định mức Lao động hợp đồng làm hồ sơ phục vụ năm 2022, 2023	Ghi chú		
		Tổng số	Biên chế công chức	Biên chế sự nghiệp	Tổng số	Biên chế công chức	Biên chế sự nghiệp	Biên chế sự nghiệp giáo dục bổ sung	Tổng số	Biên chế công chức	Biên chế sự nghiệp	Tổng số	Biên chế công chức	Biên chế sự nghiệp	Tổng số	Biên chế công chức	Biên chế sự nghiệp					
																					Biên chế sự nghiệp đã giao năm 2022	Biên chế sự nghiệp
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	
8	Sở Công Thương	51	36	15	51	36	15	15		51	36	15	50	35	15	50	35	15			3	
9	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	925	484	441	925	484	441	441		925	484	441	903	472	431	878	458	420			66	
10	Sở Y tế	3.012	62	2.950	3.012	62	2.950	2.950		3.012	62	2.950	3.011	61	2.950	3.009	59	2.950	1.673		203	
11	Sở Giáo dục và Đào tạo	2.500	49	2.451	2.601	49	2.552	2.451	101	2.601	49	2.552	2.533	47	2.486	2.465	46	2.419			106	
12	Sở Xây dựng	36	36	0	36	36	0			36	36	0	36	36	0	35	35	0			8	
13	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	121	40	81	121	40	81	81		121	40	81	118	39	79	115	38	77			36	
14	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	208	44	164	208	44	164	164		208	44	164	207	43	164	205	41	164			33	
15	Sở Thông tin và Truyền thông	40	30	10	40	30	10	10		40	30	10	39	29	10	39	29	10			3	
16	Thanh tra tỉnh	38	38	0	38	38	0			38	38	0	37	37	0	36	36	0			2	
17	Khởi lập biên bản cử (đại biểu quốc hội và đại biểu HĐND tỉnh)	11	11	0	11	11	0			11	11	0	11	11	0	11	11	0				
18	Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh	29	29	0	29	29	0			29	29	0	29	29	0	29	29	0			7	
19	Văn phòng UBND tỉnh	65	58	7	65	58	7	7		65	58	7	64	57	7	62	55	7			14	
20	Ban Dân tộc	19	19	0	19	19	0			19	19	0	19	19	0	19	19	0			2	
21	Ban Quản lý Khu Kinh tế	25	25	0	25	25	0			25	25	0	24	24	0	24	24	0			5	
22	Sở Ngoại vụ	18	18	0	18	18	0			18	18	0	18	18	0	18	18	0			2	
<b>B</b>	<b>Khởi đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh</b>	<b>350</b>		<b>350</b>	<b>350</b>		<b>350</b>	<b>350</b>		<b>350</b>		<b>350</b>	<b>342</b>		<b>342</b>	<b>332</b>		<b>332</b>			<b>41</b>	
1	Trường Cao đẳng Gia Lai	189	189		189	189		189		189	189		184	184		179	179				13	
2	Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh	99	99		99	99		99		99	99		97	97		94	94				4	
3	BQL VQG Kon Ka Kinh	62	62		62	62		62		62	62		61	61		59	59				24	
<b>II</b>	<b>Cấp huyện</b>	<b>19.675</b>	<b>1.367</b>	<b>18.308</b>	<b>20.818</b>	<b>1.367</b>	<b>19.451</b>	<b>18.308</b>	<b>1.143</b>	<b>20.818</b>	<b>1.367</b>	<b>19.451</b>	<b>20.278</b>	<b>1.332</b>	<b>18.946</b>	<b>19.736</b>	<b>1.294</b>	<b>18.442</b>			<b>835</b>	
1	Thành phố Pleiku	2.385	105	2.280	2.533	105	2.428	2.280	148	2.533	105	2.428	2.468	102	2.366	2.401	99	2.302			74	
2	Thị xã An Khê	894	81	813	894	81	813	813		894	81	813	872	79	793	850	77	773			40	
3	Thị xã Ayun Pa	619	79	540	634	79	555	540	15	634	79	555	618	77	541	600	74	526			29	
4	Huyện Đrê Co	1.078	79	999	1.145	79	1.066	999	67	1.145	79	1.066	1.115	77	1.038	1.084	75	1.009			52	
5	Huyện Ia Grai	1.323	79	1.244	1.425	79	1.346	1.244	102	1.425	79	1.346	1.389	77	1.312	1.352	75	1.277			55	
6	Huyện Chư Prông	1.626	85	1.541	1.718	85	1.633	1.541	92	1.718	85	1.633	1.673	83	1.590	1.628	80	1.548			68	
7	Huyện Ia Pa	825	78	747	845	78	767	747	20	845	78	767	824	76	748	803	74	729			38	
8	Huyện Chư Păh	1.082	78	1.004	1.116	78	1.038	1.004	34	1.116	78	1.038	1.089	76	1.013	1.060	74	986			53	
9	Huyện K'Bang	1.157	78	1.079	1.188	78	1.110	1.079	31	1.188	78	1.110	1.157	76	1.081	1.128	74	1.054			59	



STT	Đơn vị địa phương	Biên chế hưởng lương ngân sách nhà nước năm 2022			Biên chế hưởng lương ngân sách nhà nước năm 2023			Biên chế hưởng lương ngân sách nhà nước năm 2024			Biên chế hưởng lương ngân sách nhà nước năm 2025			Biên chế hưởng lương ngân sách nhà nước năm 2026			Viên chức hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp trong các đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên năm 2022, 2023	Định mức lao động hợp đồng làm hồ trợ phục vụ năm 2022, 2023	Ghi chú		
		Tổng số	Biên chế công chức	Biên chế sự nghiệp	Biên chế công chức	Biên chế sự nghiệp	Biên chế công chức	Biên chế sự nghiệp	Tổng số	Biên chế công chức	Biên chế sự nghiệp	Tổng số	Biên chế công chức	Biên chế sự nghiệp	Tổng số	Biên chế công chức				Biên chế sự nghiệp	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)
10	Huyện Krông Pa	1.266	77	1.189	1.356	77	1.279	1.189	90	1.356	77	1.279	1.321	75	1.246	1.285	73	1.212		58	
11	Huyện Chu Sê	1.494	79	1.415	1.599	79	1.520	1.415	105	1.599	79	1.520	1.557	77	1.480	1.515	75	1.440		52	
12	Huyện Kông Chro	909	77	832	972	77	895	832	63	972	77	895	946	75	871	921	73	848		40	
13	Huyện Mang Yang	1.044	78	966	1.120	78	1.042	966	76	1.120	78	1.042	1.090	76	1.014	1.062	74	988		46	
14	Huyện Đak Đoa	1.323	81	1.242	1.486	81	1.405	1.242	163	1.486	81	1.405	1.446	79	1.367	1.406	77	1.329		59	
15	Huyện Đak Pô	666	78	588	668	78	590	588	2	668	78	590	651	76	575	635	74	561		29	
16	Huyện Phú Thiện	1.037	78	959	1.072	78	994	959	35	1.072	78	994	1.044	76	968	1.016	73	943		45	
17	Huyện Chư Pưh	947	77	870	1.047	77	970	870	100	1.047	77	970	1.018	75	943	990	73	917		38	
III	Dự phòng	30		30	30		30	30		30		30	15		15			0	41		



**KẾ HOẠCH PHÂN BỐ BIÊN CHẾ, ĐỊNH MỨC LAO ĐỘNG HỢP ĐỒNG  
CÁC CƠ QUAN ĐẢNG, MẶT TRẬN TỔ QUỐC, TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI  
GIAI ĐOẠN 2022 - 2026**

(kèm theo Kế hoạch số 160-KH/TU, ngày 26 tháng 6 năm 2023 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy)

- Tổng biên chế Trung ương giao năm 2022 (như tổng biên chế của tỉnh tại thời điểm tháng 6 năm 2021) 1.557 chi tiêu, gồm 1.450 chi tiêu biên chế do Ban Tổ chức Trung ương giao (trong đó có 1.301 chi tiêu biên chế cán bộ, công chức và 149 chi tiêu biên chế viên chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước) và 107 chi tiêu biên chế do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam giao (gồm 1.550 chi tiêu biên chế tỉnh đã giao cho các cơ quan, địa phương và 07 biên chế dự phòng, trong đó có 03 chi tiêu biên chế do Ban Tổ chức Trung ương giao và 04 chi tiêu biên chế do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam giao).

- Tổng biên chế Trung ương giai đoạn 2022 - 2026 (tính đến năm 2026): 1.388 chi tiêu (trong đó có 1.262 chi tiêu biên chế cán bộ, công chức, 126 chi tiêu viên chức) hưởng lương từ ngân sách nhà nước và 107 chi tiêu do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam giao trước đây (trước mặt giữ ổn định biên chế do Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam giao chờ quy định mới của Trung ương).

STT	Đơn vị, địa phương	Biên chế công chức, viên chức																		Định mức lao động hợp đồng								
		Biên chế năm 2022 (Như tổng biên chế đến năm 2021)				Biên chế năm 2023 (Sau khi đã chuyển biên chế các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Tỉnh ủy)				Biên chế năm 2024				Biên chế năm 2025				Biên chế năm 2026										
		Trong đó		Tổng số	Tổng LD/LĐ giao	Trong đó		Tổng số	Tổng LD/LĐ giao	Trong đó		Tổng số	Tổng LD/LĐ giao	Trong đó		Tổng số	Tổng LD/LĐ giao	Trong đó			Tổng số	Tổng LD/LĐ giao						
		Tổng số	Viên chức			Công chức	Viên chức			Công chức	Viên chức			Công chức	Viên chức			Công chức	Viên chức				Công chức	Viên chức				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)
1	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	453	409	318	91	44	456	412	321	91	44	449	405	314	91	44	440	396	314	82	44	427	383	309	74	44	61	
2	Văn phòng Tỉnh ủy	28	28	28			32	32	32			32	32	32			32	32	32			32	32	32		3		
3	Ban Dân vận Tỉnh ủy	63	63	63			47	47	47			47	47	47			47	47	47			45	45	45		10		
4	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	18	18	18			21	21	21			21	21	21			21	21	21			20	20	20		3		
5	Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy	24	24	24			27	27	27			27	27	27			27	27	27			27	27	27		3		
6	Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy	24	24	24			29	29	29			29	29	29			29	29	29			29	29	29		3		
7	Ban Nội chính Tỉnh ủy	17	17	17			21	21	21			21	21	21			21	21	21			21	21	21		3		
8	Ban Bảo vệ chăm sóc sức khỏe cán bộ tỉnh	7	7	7			7	7	7			7	7	7			7	7	7			7	7	7		0		
9	Đảng ủy Khối các cơ quan và doanh nghiệp tỉnh	23	23	23			23	23	23			23	23	23			23	23	23			23	23	23		4		
10	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh	26	26	26			26	26	26			26	26	26			26	26	26			26	26	26		4		
11	Liên đoàn Lao động tỉnh và các đơn vị trực thuộc	44				44	44				44	44				44	44				44	44				44		
12	Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh	22	22	22			22	22	22			22	22	22			22	22	22			21	21	21		4		
13	Tỉnh đoàn và Trung tâm Hoạt động thanh thiếu niên tỉnh	42	42	33	9		42	42	33	9		42	42	33	9		40	40	33	7		37	37	32	5	4		
14	Hội Nông dân tỉnh	21	21	21			21	21	21			21	21	21			21	21	21			21	21	21		4		
15	Hội Cựu chiến binh tỉnh	12	12	12			12	12	12			12	12	12			12	12	12			12	12	12		4		
16	Trường Chính trị tỉnh	45	45	45			45	45	45			45	45	45			41	41	41			38	38	38		44		



STT	Đơn vị địa phương	Biên chế năm 2022 (Như tổng biên chế đến năm 2021)				Biên chế năm 2023 (Sau khi đã chuyển biên chế các cơ quan chuyển trách nhiệm, giúp việc: Tỉnh ủy)				Biên chế năm 2024				Biên chế năm 2025				Biên chế năm 2026				Phanh nước Lao đồng hợp đồng	Ghi chú				
		Tổng số		Trong đó		Tổng số		Trong đó		Tổng số		Trong đó		Tổng số		Trong đó		Tổng số		Trong đó							
		BTCTW giao		LĐLĐ giao		BTCTW giao		LĐLĐ giao		BTCTW giao		LĐLĐ giao		BTCTW giao		LĐLĐ giao		BTCTW giao		LĐLĐ giao							
		Tổng số	Viên chức	Tổng số	Viên chức	Tổng số	Viên chức	Tổng số	Viên chức	Tổng số	Viên chức	Tổng số	Viên chức	Tổng số	Viên chức	Tổng số	Viên chức	Tổng số	Viên chức	Tổng số	Viên chức						
(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	
16	Báo Gia Lai	37	37		37	37		37		37	37		37		34	34		34		31	31		31		4		
<b>II. Khối huyện</b>		<b>1.097</b>	<b>1.038</b>	<b>980</b>	<b>58</b>	<b>59</b>	<b>1.097</b>	<b>1.038</b>	<b>980</b>	<b>58</b>	<b>59</b>	<b>1.097</b>	<b>1.038</b>	<b>980</b>	<b>58</b>	<b>59</b>	<b>1.097</b>	<b>1.034</b>	<b>976</b>	<b>58</b>	<b>59</b>	<b>1.064</b>	<b>1.005</b>	<b>953</b>	<b>52</b>	<b>59</b>	<b>119</b>
1	Pleiku	75	69	65	4	6	75	69	65	4	6	74	68	64	4	6	72	66	62	4	6	72	66	62	4	6	7
2	Chư Prông	66	63	59	4	3	66	63	59	4	3	66	63	59	4	3	66	63	60	3	3	66	63	60	3	3	7
3	Đak Đoa	65	62	59	3	3	65	62	59	3	3	65	62	59	3	3	65	62	59	3	3	65	62	59	3	3	7
4	Ja Grai	64	61	58	3	3	64	61	58	3	3	64	61	58	3	3	64	61	58	3	3	62	59	56	3	3	7
5	Đức Cơ	64	61	58	3	3	64	61	58	3	3	64	61	58	3	3	64	61	58	3	3	62	59	56	3	3	7
6	An Khê	64	60	56	4	4	64	60	56	4	4	64	60	56	4	4	64	60	56	4	4	62	58	55	3	4	7
7	Ayun Pa	63	59	56	3	4	63	59	56	3	4	63	59	56	3	4	63	59	56	3	4	62	58	55	3	4	7
8	Chư Sê	64	60	56	4	4	64	60	56	4	4	64	60	56	4	4	64	60	56	4	4	62	58	55	3	4	7
9	Chư Păh	64	61	57	4	3	64	61	57	4	3	64	61	57	4	3	64	61	57	4	3	61	58	55	3	3	7
10	Mang Yang	64	61	58	3	3	64	61	58	3	3	64	61	58	3	3	63	60	57	3	3	61	58	55	3	3	7
11	Kbang	64	61	58	3	3	64	61	58	3	3	64	61	58	3	3	63	60	57	3	3	61	58	55	3	3	7
12	Kông Chro	64	61	58	3	3	64	61	58	3	3	64	61	58	3	3	63	60	57	3	3	61	58	55	3	3	7
13	Chư Puh	63	59	56	3	4	63	59	56	3	4	63	59	56	3	4	63	59	56	3	4	62	58	55	3	4	7
14	Phù Thiện	64	60	57	3	4	64	60	57	3	4	64	60	57	3	4	64	60	57	3	4	62	58	55	3	4	7
15	Krông Pa	64	61	57	4	3	64	61	57	4	3	64	61	57	4	3	64	61	57	4	3	61	58	55	3	3	7
16	Ja Pa	63	60	57	3	3	63	60	57	3	3	63	60	57	3	3	63	60	57	3	3	61	58	55	3	3	7
17	Đak Pơ	62	59	55	4	3	62	59	55	4	3	62	59	55	4	3	62	59	55	4	3	61	58	55	3	3	7
<b>Tổng (I+II)</b>		<b>1.550</b>	<b>1.447</b>	<b>1.298</b>	<b>149</b>	<b>103</b>	<b>1.553</b>	<b>1.450</b>	<b>1.301</b>	<b>149</b>	<b>103</b>	<b>1.546</b>	<b>1.443</b>	<b>1.294</b>	<b>149</b>	<b>103</b>	<b>1.533</b>	<b>1.430</b>	<b>1.290</b>	<b>140</b>	<b>103</b>	<b>1.491</b>	<b>1.388</b>	<b>1.262</b>	<b>126</b>	<b>103</b>	<b>180</b>